

**PHỤ LỤC 01.**  
**BẢNG ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG SO VỚI TIÊU CHUẨN NÔNG THÔN MỚI**

TT	Hạng mục	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Vị trí	Chỉ tiêu	Tính toán	Kết quả	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Trụ sở cơ quan</b>						
1	Trụ sở cơ quan UBND xã	5,375	Thôn Hà Mỹ	S <sub>≥</sub> 1000m <sup>2</sup>	5,375	Đạt	
<b>II</b>	<b>Công trình giáo dục</b>						
1	Giáo dục mầm non						
1.1	Trường MG Duy Vinh	12,569	Thôn Hà Nam	12m <sup>2</sup> /HS	2760	Đạt	230 học sinh
1.2	Trường MG Đông Bình	460	Thôn Đông Bình	12m <sup>2</sup> /HS	300	Đạt	25 học sinh
1.3	Trường MG Vĩnh Nam	1,549	Thôn Vĩnh Nam	12m <sup>2</sup> /HS	1080	Đạt	90 học sinh
2	Giáo dục tiểu học						
2.1	Tiểu học Duy Vinh	11,996	Thôn Hà Nam	10m <sup>2</sup> /HS	5680	Đạt	568 học sinh
2.2	Tiểu học PH Vĩnh Nam	7,284	Thôn Vĩnh Nam	10m <sup>2</sup> /HS	2140	Đạt	214 học sinh
2.3	Tiểu học PH Đông Bình	2,804	Thôn Đông Bình	10m <sup>2</sup> /HS	740	Đạt	74 học sinh
3	Giáo dục trung học cơ sở						
3.1	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	14,120	Thôn Hà Nam	10m <sup>2</sup> /HS	4750	Đạt	475 học sinh
<b>III</b>	<b>Công trình y tế</b>						
1	Trạm y tế xã	710	Thôn Vĩnh Nam	>500m2 không vườn thuốc >1000m2 có vườn thuốc	710/trạm không vườn thuốc	Đạt	
<b>IV</b>	<b>Công trình văn hoá – TDTT- Thông tin</b>						
1	Nhà văn hóa xã	1000	Thôn Hà Mỹ	> 1000m <sup>2</sup>	1000	Đạt	Nằm trong khuôn viên ủy ban xã
2	Sân thể dục thể thao xã	8,050	Thôn Hà Nam	> 5000m <sup>2</sup>	8,050	Đạt	
3	Nhà văn hóa thôn						
3.1	Thôn Hà Nam						
-	Nhà văn hóa thôn Trà Nam cũ	1588	Thôn Hà Nam	>500m2/đồng bằng	1588	Đạt	Làm nhà văn hóa cụm thôn Hà Nam
-	Nhà văn hóa thôn Hà Thuận cũ	5767	Thôn Hà Nam	>500m2/đồng bằng	3067	Đạt	Cần điều chỉnh sang đất thể dục thể thao 2700m2
-	Sân vận động cụm Trà Nam	2,500	Thôn Hà Nam	>2000m2/đồng bằng	2,500	Đạt	
3.2	Thôn Trà Đông						
-	Nhà văn hóa thôn Trà Đông	1538	Thôn Trà Đông	>500m2/đồng bằng	1538	Đạt	
-	Sân vận động thôn Trà Đông	6,500	Thôn Trà Đông	>2000m2/đồng bằng	6500	Đạt	
3.3	Thôn Vĩnh Nam						
-	Nhà văn hóa thôn Vĩnh Nam	1,777	Thôn Vĩnh Nam	>500m2/đồng bằng	1777	Đạt	
-	Sân vận động thôn Vĩnh Nam	8,390	Thôn Vĩnh Nam	>2000m2/đồng bằng	8390	Đạt	
3.4	Thôn Đông Bình						
-	Nhà văn hóa thôn Đông Bình	2,135	Thôn Đông Bình	>500m2/đồng bằng	2135	Đạt	
-	Sân vận động thôn Đông Bình	7,000	Thôn Đông Bình	>2000m2/đồng bằng	7000	Đạt	
3.5	Thôn Hà Mỹ						
-	Nhà văn hóa thôn Hà Mỹ	2,680	Thôn Hà Mỹ	>500m2/đồng bằng	2680	Đạt	
-	Sân vận động thôn Hà Mỹ	4,500	Thôn Hà Mỹ	>2000m2/đồng bằng	4500	Đạt	
4	Bưu điện văn hóa						
4.1	Bưu điện VH Bàn Thạch	303	Thôn Vĩnh Nam	> 150m <sup>2</sup>	303	Đạt	
4.2	Bưu điện VH Hà Mỹ	110	Thôn Hà Mỹ	> 150m <sup>2</sup>	110	Chưa đạt	
<b>V</b>	<b>Các công trình thương mại- dịch vụ</b>						
1	Chợ Bàn Thạch	2,400	Thôn Vĩnh Nam	> 1500m <sup>2</sup>	2400	Đạt	

**PHỤ LỤC 02.**  
**BẢNG RÀ SOÁT MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG THEO QUY HOẠCH VÙNG**

STT	Danh mục	DIỆN TÍCH			Ghi chú	
		Hiện trạng	Quy hoạch vùng	Quy hoạch kỳ này		
<b>I</b>	<b>Phát triển mạng lưới chợ</b>					
1	Chợ Bàn Thạch	-	0.30	0.35	Nằm trong QH khu phố chợ Bàn Thạch (Đã có QH tại quyết định 9200/QĐ-UBND Ngày 28/12/2018 cần kế thừa)	Nội dung và vị trí xem chi tiết tại Phụ lục 04
<b>II</b>	<b>Phát triển TMDV</b>					
1	Trung tâm TMDV Trà Đông	-	1.00	0.80	Khu TMDV làng nghề du lịch Duy Vinh, thôn Trà Đông (Đã có QH tại quyết định 9200/QĐ-UBND Ngày 28/12/2018 cần kế thừa)	Không cần quy hoạch
<b>III</b>	<b>Phát triển du lịch</b>					
	<b>Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng</b>					
3.1	Khu DTLS vụ đánh bom Hầm bà Tư Hậu, thôn Hà Mỹ	-	0.10		Hiện trạng đã có	Không cần quy hoạch
3.2	Khu du lịch làng cau Trà Đông	-	10.00	9.56	Khu du lịch làng cau Trà Đông (Đã có QH tại quyết định 9200/QĐ-UBND Ngày 28/12/2018 cần kế thừa)	Nội dung và vị trí xem chi tiết tại Phụ lục 04
3.3	Khu du lịch Nông trại Xanh Trà Nhiều (thôn Trà Đông, thôn Hà Nam)	-	7.10	7.10	Khu du lịch Nông trại Xanh Trà Nhiều (Đã có QH tại quyết định 9200/QĐ-UBND Ngày 28/12/2018 cần kế thừa)	Nội dung và vị trí xem chi tiết tại Phụ lục 04
3.4	Khu du lịch Trà Nhiều xanh (thôn Trà Đông)	-	30.00	29.14	Khu du lịch Trà Nhiều xanh (Đã có QH tại quyết định 9200/QĐ-UBND Ngày 28/12/2018 cần kế thừa)	Nội dung và vị trí xem chi tiết tại Phụ lục 04
3.5	Khu du lịch Rạch Dừa Nam Hội An (thôn Hà Mỹ, Hà Nam)	-	30.00	17.47	Khu du lịch Rạch Dừa (Đã có QH tại quyết định 9200/QĐ-UBND Ngày 28/12/2018 cần kế thừa)	Nội dung và vị trí xem chi tiết tại Phụ lục 04

STT	Danh mục	DIỆN TÍCH			Ghi chú	
		Hiện trạng	Quy hoạch vùng	Quy hoạch kỳ này		
3.6	Khu du lịch Cồn Thủ Luyến (thôn Hà Nam)	-	7.50	5.51	Khu du lịch Cồn Thủ Luyến (Đã có QH tại quyết định 9200/QĐ-UBND Ngày 28/12/2018 cần kế thừa)	Nội dung và vị trí xem chi tiết tại Phụ lục 04
3.7	Khu du lịch Cồn Biền (Thôn Đông Bình)	-	15.00	15.22	Khu du lịch Cồn Biền (Đã có QH tại quyết định 9200/QĐ-UBND Ngày 28/12/2018 cần kế thừa)	Nội dung và vị trí xem chi tiết tại Phụ lục 04
3.8	Khu du lịch sinh thái bãi biển Hà My (Duy Vinh-Duy Thành)	-	80.00		Chưa xác định được vị trí	
<b>Du lịch sinh thái cộng đồng</b>						
3.9	Làng du lịch sinh thái cộng đồng Trà Nhiều				Hiện trạng Làng du lịch Thôn Trà Đông	Không cần quy hoạch
3.10	Làng du lịch sinh thái cộng đồng thôn Đông Bình				Hiện trạng làng du lịch Thôn Đông Bình	Không cần quy hoạch
<b>VI Phát triển vùng chuyên canh</b>						
4.1	Vùng chuyên canh cây thực phẩm (rau củ quả...)		5.00			
4.2	Vùng chuyên canh sản xuất lúa, nếp giống và thương phẩm	20.00	20.00	-	Hiện trạng đã có cánh đồng mẫu sản xuất giống gạo tím than	Không cần quy hoạch
4.3	Khu miệt vườn cây ăn quả kết hợp du lịch sinh thái thôn Trà Đông	-	5.00	-	Chưa xác định được vị trí	

**PHỤ LỤC 03.**

**BẢNG ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH TẠI QĐ 9200/QĐ-UBND NGÀY 28/12/2018**

*(Xem chi tiết tại bản đồ rà soát quá trình thực hiện quy hoạch)*

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Ký hiệu Ban đầu</b>	<b>Ký hiệu bảng định hướng QH</b>
<b>I</b>	<b>Quy hoạch giai đoạn 2012-2020</b>		
<b>1</b>	<b>Điều chỉnh</b>		
1.1	Điều chỉnh vị trí, quy mô các công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, bố trí đất ở tại khu trung tâm xã với diện tích giữ nguyên theo quy hoạch 16,0754ha.	1-R	
1.2	Điều chỉnh vị trí trường mẫu giáo Duy Vinh sang vị trí mới tại thôn Hà Thuận, với diện tích quy hoạch 1,373ha	2-R	
1.4	Điều chỉnh loại đất giáo dục (trường mẫu giáo cũ thôn Vĩnh Nam) sang loại đất ở nông thôn với diện tích giữ nguyên 0,04ha	4-R	
1.3	Điều chỉnh vị trí đất hiện có của trường mẫu giáo sang loại đất thương mại dịch vụ với diện tích giữ nguyên 0,2215ha.	3-C	2.16
1.5	Điều chỉnh vị trí đất sản xuất kinh doanh tại cỡ sớ sửa chữa, đóng mới tàu thuyền từ thôn Vĩnh Nam sang thôn Hà Mỹ, với diện tích 0,7ha	5-C	2.17
<b>2</b>	<b>Bổ sung, mở rộng</b>		
2.1	Mở rộng sân bóng đá thôn Hà Mỹ (loại đất DTT), với diện tích 0,15ha	6-R	
2.2	Mở rộng đất ở khu dân cư từ cây trở đi đê biển (loại đất ONT) thôn Vĩnh Nam, với diện tích 0,65ha	7-R	
2.3	Mở mới khu dân cư phía Nam khu tái định cư Gò Đùng (loại đất ONT) với diện tích 0,2ha	15-R	
2.4	Bổ sung quy hoạch đất di tích (Mở rộng nghĩa trang liệt sĩ) với diện tích 0,04ha	23-R	
2.5	Bổ sung đất quy hoạch khu nuôi trồng thủy sản vùng Hà My Hạ, thôn Đông Bình với diện tích 20ha	28	3.14
2.6	Mở rộng khu dân cư phía Đông và phía Nam sân bóng đá thôn Trà Đông (loại đất ONT), với diện tích 0,3336ha	10	2.8
2.7	Mở rộng khu dân cư phía Tây và phía Nam sân bóng đá thôn Đông Bình (loại đất ONT) với diện tích quy hoạch 0,715ha	12	2.2
2.8	Mở mới khu dân cư vườn ông Tư, thôn Hà Thuận (loại đất quy hoạch ONT) với diện tích 0,65ha	13	2.9
2.9	Bổ sung cập nhật đất quy hoạch mở rộng đất công ty Huy Hoàng II giai đoạn 1 với diện tích 1,0177ha; mở rộng giai đoạn 2 với diện tích 1,14ha (loại đất SKC)	18	2.9
2.10	Mở rộng đất ở khu dân cư phía Đông sân bóng xã (loại đất ONT) thôn Hà Nam, với diện tích 2,1ha	8-C	2.4
2.11	Mở rộng khu dân cư gò bà Năm (loại đất ONT), thôn Trà Nam với diện tích 1,9577ha	11-C	2.6
2.12	Mở rộng khu dân cư phía Bắc đường Hói ngang (loại đất ONT), thôn Hà Thuận với diện tích 1,3304ha	9-C	2.5
2.13	Mở mới khu dân cư phía Tây khu tái định cư Gò Đùng thôn Hà Nam(loại đất ONT) với diện tích quy hoạch 1,0431ha	14-C	2.7

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Ký hiệu Ban đầu</b>	<b>Ký hiệu bảng định hướng QH</b>
2.14	Mở mới khu dân cư phía Tây nhà văn hóa thôn Trà Đông (loại đất ONT) với diện tích 0,2453ha	16-C	2.3
2.15	Mở mới khu dân cư phía Nam nhà ông 5 Bí, thôn Đông Bình (loại đất ONT) với diện tích 0,1233ha	17-C	2.1
2.16	Bổ sung đất quy hoạch khu du lịch Nông trại xanh Trà Nhiêu, thôn Trà Đông và Hà Thuận, với diện tích quy hoạch 7,1ha	19-C	2.10
2.17	Bổ sung đất quy hoạch khu du lịch sinh thái làng cau Trà Đông, thôn Trà Đông với diện tích 9,56ha	20-C	2.16
2.18	Bổ sung đất quy hoạch khu du lịch sinh thái Trà Nhiêu Xanh, thôn Trà Đông, với diện tích quy hoạch: 29,1370ha	21-C	2.17
2.19	Bổ sung đất quy hoạch khu du lịch Thủ Luyến, thôn Trà Nam, với diện tích 7,430ha	26-C	2.15
2.20	Bổ sung đất quy hoạch khu phố chợ Bàn Thạch, thôn Vĩnh Nam, với diện tích 32,1809ha	22-C	2.11
2.21	Bổ sung đất quy hoạch khu thương mại dịch vụ làng nghề du lịch Duy Vinh, thôn Trà Đông với diện tích 0,79ha	27-C	2.14
2.22	Bổ sung quy hoạch đất tôn giáo để mở rộng chùa Trà Đông, thôn Trà Đông với diện tích khoảng 0,077ha	24-C	2.13
2.23	Bổ sung quy hoạch đất tôn giáo để mở rộng chùa Bàn Thạch, thôn Vĩnh Nam với diện tích khoảng 0,015ha	25-C	2.12
<b>II</b>	<b>Quy hoạch giai đoạn 2020-2030</b>		
<b>1</b>	<b>Điều chỉnh</b>		
1.1	Điều chỉnh loại đất lúa vùng Hà Bình, thôn Hà Thuận (canh tác kém hiệu quả do thiếu nước) sang đất màu (BHK) với diện tích 0,5949ha	29-C	1.1
1.2	Điều chỉnh loại đất lúa vùng rộc bà Chua, thôn Hà Thuận chuyển sang đất màu (BHK), với diện tích 4,0403ha	30-C	1.2
1.3	Điều chỉnh loại đất lúa vùng Hói Ngang - Thi Lai, thôn Hà Thuận chuyển sang đất màu (BHK), với diện tích 7,5688ha	31-C	1.3
1.4	Điều chỉnh loại đất lúa vùng Bình Khê, thôn Hà Thuận chuyển sang đất màu (BHK), với diện tích 1,35ha	32-C	1.4
1.5	Điều chỉnh loại đất lúa trước nhà ông Nguyễn Nhứt, thôn Trà Nam chuyển sang đất màu (BHK), với diện tích 0,3049ha	33-C	1.5
<b>2</b>	<b>Bổ sung, mở rộng</b>		
2.1	Bổ sung đất quy hoạch Khu thương mại dịch vụ, du lịch Rạch dừa thôn Hà Mỹ và thôn Hà Nam, với diện tích 17,4685ha	34-C	1.6
2.2	Bổ sung đất quy hoạch Trung tâm khảo cổ học dưới nước tại thôn Trà Đông, với diện tích 1,3918ha	35-C	1.7
2.3	Bổ sung đất quy hoạch Khu du lịch Cồn Biền, thôn Đông Bình, với diện tích 15,2216ha	36-C	1.8
2.4	Bổ sung đất quy hoạch Khu thương mại dịch vụ phía Bắc nghĩa trang liệt sĩ xã, với diện tích quy hoạch: 2,6284ha	37-C	1.9
2.5	Bổ sung đất quy hoạch Khu thương mại dịch vụ Biền Gành, thôn Hà Thuận, với diện tích 1,3267ha	38-C	1.10

STT	Danh mục	Ký hiệu Ban đầu	Ký hiệu bảng định hướng QH
2.6	Bổ sung đất quy hoạch Khu dân cư mới Cồn Vạn, thôn Hà Mỹ với diện tích 1,2556ha	39-C	1.11
2.7	Bổ sung đất quy hoạch Khu thương mại dịch vụ Hà Đước, thôn Vĩnh Nam với diện tích 1,3098ha	40-C	1.12
2.8	Mở rộng diện tích 0,6832ha đất quy hoạch nghĩa trang Hà Lãng, thôn Hà Thuận so với diện tích hiện trạng ban đầu	41-C	1.13
2.9	Mở rộng diện tích 0,2566ha đất quy hoạch nghĩa trang Nam Sơn, thôn Vĩnh Nam so với diện tích hiện trạng ban đầu	42-C	1.14
2.10	Mở rộng diện tích 0,1019ha đất quy hoạch nghĩa trang thôn Trà Đông so với diện tích hiện trạng ban đầu	43-C	1.15

**PHỤ LỤC 04.**  
**MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG DUY TRÌ TẠI QĐ 9200/QĐ-UBND Ngày 28/12/2018**  
*(Chi tiết xem bản đồ quy hoạch duy trì QĐ 9200/QĐ-UBND Ngày 28/12/2018)*

STT	Danh mục	Ký hiệu bản đồ rà soát	Ký hiệu	Quy hoạch Loại đất	Hiện trạng loại đất	Đơn vị tính (Ha)
<b>I</b>	<b>QH ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC</b>					
<b>1</b>	<b>Quy hoạch giai đoạn 2020-2030 vẫn kế thừa</b>					
1.1	Điều chỉnh loại đất lúa vùng Hà Bình, thôn Hà Thuận (canh tác kém hiệu quả do thiếu nước) sang đất màu (BHK) với diện tích 0,5949ha	29-C	1.1	BHK	LUC	0.590
1.2	Điều chỉnh loại đất lúa vùng rộc bà Chua, thôn Hà Thuận chuyển sang đất màu (BHK), với diện tích 4,04ha	30-C	1.2	BHK	LUC	4.040
1.3	Điều chỉnh loại đất lúa vùng Hói Ngang, trước chùa An Trung thôn Hà Thuận chuyển sang đất màu (BHK), với diện tích 7,57ha	31-C	1.3	BHK	LUC	7.570
1.4	Điều chỉnh loại đất lúa vùng Bình Khê, thôn Hà Thuận chuyển sang đất màu (BHK), với diện tích 1,35ha	32-C	1.4	BHK	LUC	1.350
1.5	Điều chỉnh loại đất lúa trước nhà ông Nguyễn Nhứt, thôn Trà Nam chuyển sang đất màu (BHK), với diện tích 0,3ha	33-C	1.5	BHK	LUC	0.300
<b>II</b>	<b>QH KHU DÂN CƯ</b>			-		<b>8.660</b>
<b>1</b>	<b>Quy hoạch giai đoạn 2020-2030 vẫn kế thừa</b>					
1.1	Bổ sung đất quy hoạch Khu dân cư mới Cồn Vạn, thôn Hà Mỹ với diện tích 1,26ha	39-C	2.0	ONT		1.260
<b>2</b>	<b>Quy hoạch chuyển tiếp giai đoạn 2012-2020 sang giai đoạn 2021-2030</b>					
2.1	Mở mới khu dân cư phía Nam nhà ông 5 Bi, thôn Đông Bình (loại đất ONT) với diện tích 0,12ha	20-C	2.1	ONT		0.120
2.2	Mở rộng khu dân cư phía Nam sân bóng đá thôn Đông Bình (loại đất ONT) với diện tích quy hoạch 0,22ha	12	2.2	ONT		0.220
2.3	Mở mới khu dân cư phía Tây nhà văn hóa thôn Trà Đông (loại đất ONT) với diện tích 0,24ha	19-C	2.3	ONT		0.240
2.4	Mở rộng đất ở khu dân cư phía Đông sân bóng xã (loại đất ONT) thôn Hà Nam, với diện tích 2,1ha	15-C	2.4	ONT		2.100
2.5	Mở rộng khu dân cư phía Bắc đường Hói ngang (loại đất ONT), thôn Hà Thuận với diện tích 1,33ha	17-C	2.5	ONT		1.330
2.6	Mở rộng khu dân cư gò bà Năm (loại đất ONT), thôn Trà Nam với diện tích 1,96ha	16-C	2.6	ONT		1.960
2.7	Mở mới khu dân cư phía Tây khu tái định cư Gò Đùng thôn Hà Nam(loại đất ONT) với diện tích quy hoạch 1,04ha	18-C	2.7	ONT		1.040
2.8	Mở rộng khu dân cư phía Đông sân bóng đá thôn Trà Đông (loại đất ONT), với diện tích 0,19ha	11	2.8	ONT		0.190
2.9	Mở mới khu dân cư vườn ông Tư (khu vực phía Bắc), thôn Hà Thuận (loại đất quy hoạch ONT) với diện tích 0,2ha	13	2.9	ONT		0.200
<b>III</b>	<b>ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ</b>					<b>38.522</b>
<b>1</b>	<b>Quy hoạch giai đoạn 2020-2030 vẫn kế thừa</b>					
1.1	Bổ sung đất quy hoạch Trung tâm khảo cổ học dưới nước tại thôn Trà Đông, với diện tích 1,39ha	35-C	3.1	TMD		1.390
1.2	Bổ sung đất quy hoạch Khu thương mại dịch vụ phía Bắc nghĩa trang liệt sĩ xã, với diện tích quy hoạch: 2,63ha	37-C	3.2	TMD		2.630
1.4	Bổ sung đất quy hoạch Khu thương mại dịch vụ Hà Đước, thôn Vĩnh Nam với diện tích 1,31ha	40-C	3.4	TMD		1.310
<b>2</b>	<b>Quy hoạch chuyển tiếp giai đoạn 2012-2020 sang giai đoạn 2021-2030</b>					
2.1	Bổ sung đất quy hoạch khu phố chợ Bàn Thạch, thôn Vĩnh Nam, với diện tích 32,18ha (GD1: 14,7ha)	25-C	3.5	TMD		32.180
2.2	Bổ sung đất quy hoạch khu thương mại dịch vụ làng nghề du lịch Duy Vinh, thôn Trà Đông với diện tích 0,79ha	26-C	3.6	TMD		0.790
2.3	Điều chỉnh vị trí đất hiện có của trường mẫu giáo sang loại đất thương mại dịch vụ với diện tích giữ nguyên 0,2215ha.	4-C	3.7	TMD		0.222
<b>IV</b>	<b>ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH</b>					<b>1.840</b>
<b>1</b>	<b>Quy hoạch chuyển tiếp giai đoạn 2012-2020 sang giai đoạn 2021-2030</b>					
1.1	Điều chỉnh vị trí đất sản xuất kinh doanh tại cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền từ thôn Vĩnh Nam sang thôn Hà Mỹ, với diện tích 0,7ha	5-C	4.1	SKC		0.700
1.2	Mở rộng đất công ty Huy Hoàng II giai đoạn 2 với diện tích 1,14ha (loại đất SKC)	14	4.2	SKC		1.140
<b>V</b>	<b>ĐẤT DU LỊCH</b>					<b>78.487</b>

STT	Danh mục	Ký hiệu bản đồ rà soát	Ký hiệu	Quy hoạch Loại đất	Hiện trạng loại đất	Đơn vị tính (Ha)
<b>1</b>	<b>Quy hoạch giai đoạn 2020-2030 vẫn kế thừa</b>					
1.1	Bổ sung đất quy hoạch Khu thương mại dịch vụ, du lịch Rạch dừa thôn Hà Mỹ và thôn Hà Nam, với diện tích 17,4685ha	34-C	5.1	DDL	BHK:11,57 ha	17.470
1.2	Bổ sung đất quy hoạch Khu du lịch Cồn Biên, thôn Đông Bình, với diện tích 15,22ha	36-C	5.2	DDL		15.220
<b>2</b>	<b>Quy hoạch chuyển tiếp giai đoạn 2012-2020 sang giai đoạn 2021-2030</b>					
2.1	Bổ sung đất quy hoạch khu du lịch Nông trại xanh Trà Nhiêu, thôn Trà Đông và Hà Thuận, với diện tích quy hoạch 7,1ha	21-C	5.3	DDL		7.100
2.3	Bổ sung đất quy hoạch khu du lịch sinh thái làng cau Trà Đông, thôn Trà Đông với diện tích 9,56ha	22-C	5.5	DDL		9.560
2.4	Bổ sung đất quy hoạch khu du lịch sinh thái Trà Nhiêu Xanh, thôn Trà Đông, với diện tích quy hoạch: 29,1370ha	23-C	5.6	DDL		29.137
<b>VI</b>	<b>ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA</b>					
<b>1</b>	<b>Quy hoạch giai đoạn 2020-2030 vẫn kế thừa</b>					
1.1	Mở rộng diện tích 0,68ha đất quy hoạch nghĩa trang Hà Lăng, thôn Hà Thuận so với diện tích hiện trạng ban đầu	41-C	6.1	NTD		0.680
1.3	Mở rộng diện tích 0,11ha đất quy hoạch nghĩa trang thôn Trà Đông so với diện tích hiện trạng ban đầu	43-C	6.3	NTD		0.110
<b>VII</b>	<b>ĐẤT TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG</b>					
<b>1</b>	<b>Quy hoạch chuyển tiếp giai đoạn 2012-2020 sang giai đoạn 2021-2030</b>					
1.1	Bổ sung quy hoạch đất tôn giáo để mở rộng chùa Bàn Thạch, thôn Vĩnh Nam với diện tích khoảng 0,01ha	28-C	7.1	TON		0.010
1.2	Bổ sung quy hoạch đất tôn giáo để mở rộng chùa Trà Đông, thôn Trà Đông với diện tích khoảng 0,08ha	27-C	7.2	TON		0.080



**PHỤ LỤC 05.**  
**MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2030**

STT	Danh mục	Ký hiệu	Quy hoạch Loại đất	Hiện trạng loại đất	Diện tích (Ha)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>ĐẤT TRỒNG CÂY HẰNG NĂM KHÁC</b>	<b>HN</b>			<b>1.490</b>	
1.1	Quy hoạch chuyển đổi đất lúa vùng Hà Bình, thôn Hà Thuận (canh tác kém hiệu quả do thiếu nước) sang đất màu (BHK) với diện tích 0,5949ha	HN1	BHK	LUC	0.594	Kế thừa
1.2	Quy hoạch chuyển đổi đất lúa vùng rộc bà Chua, thôn Hà Thuận chuyển sang đất màu (BHK), với diện tích 4,04ha	HN2	BHK	LUC	4.040	Kế thừa
1.3	Quy hoạch chuyển đổi đất lúa vùng Hối Ngang, trước chùa An Trung thôn Hà Thuận chuyển sang đất màu (BHK), với diện tích 7,57ha	HN3	BHK	LUC	7.570	Kế thừa
1.4	Quy hoạch chuyển đổi đất lúa vùng Bình Khê, thôn Hà Thuận chuyển sang đất màu (BHK), với diện tích 1,35ha	HN4	BHK	LUC	1.350	Kế thừa
1.5	Quy hoạch chuyển đổi đất lúa trước nhà ông Nguyễn Nhứt, thôn Trà Nam chuyển sang đất màu (BHK), với diện tích 0,3ha	HN5	BHK	LUC	0.300	Kế thừa
1.6	Quy hoạch chuyển đổi đất chưa sử dụng (BCS) thành đất trồng cây hằng năm (BHK) tại khu vực phía Nam khu tái định cư Gò Đùng, với diện tích 0,4ha.	HN6	BHK	BCS	0.400	Quy hoạch mới
1.7	Quy hoạch bổ sung ranh giới theo bản đồ 364 cho đảm bảo với thực tế hiện có, với diện tích tăng 21,09ha. Trong đó: diện tích đất hằng năm khác tăng 1,09 ha vị trí như sau:	HN7	BHK	-	1.090	Quy hoạch mới
17.1	- Bổ sung diện tích đất màu (BHK) tại đập Hà Bình thôn Hà Nam, với diện tích 0,81ha.	HN7.1	BHK	-	0.810	Quy hoạch mới
17.2	- Bổ sung diện tích đất màu (BHK) tại Trà Nam thôn Hà Nam, với diện tích 0,28ha.	HN7.2	BHK	-	0.280	Quy hoạch mới
<b>II</b>	<b>ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM</b>	<b>LN</b>			<b>0.120</b>	
2.1	Quy hoạch chuyển đổi đất chưa sử dụng sang đất cây lâu năm thôn Đông Bình với diện tích 0,12 ha	LN1	CLN	BCS	0.120	Quy hoạch mới
<b>III</b>	<b>ĐẤT MẶT NƯỚC, SÔNG HỒ</b>	<b>NS</b>			<b>25.150</b>	
3.1	Quy hoạch bổ sung quy hoạch đất mặt nước chuyên dùng (MNC) (khu neo đậu tàu thuyền cánh bắc thôn Trà Đông và hới Trại Nan thôn Hà Nam), với diện tích 5,15ha.	NS1	MNC	SON	5.150	Quy hoạch mới
3.2	Quy hoạch bổ sung ranh giới theo bản đồ 364 cho đảm bảo với thực tế hiện có, với diện tích tăng 21,09ha, trong đó: đất sông tăng 20 ha vị trí như sau:	NS2	SON	-	20.000	Quy hoạch mới
3.2.1	- Bổ sung diện tích sông cánh Bắc thôn Trà Đông (đất SON), với diện tích 20ha.	NS2.1	SON	-	20.000	Quy hoạch mới
<b>IV</b>	<b>ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT</b>	<b>R</b>			<b>5.120</b>	
4.1	Quy hoạch chuyển đổi đất vật liệu xây dựng (SKX) thành đất đất rừng sản xuất (RSX) tại Bình Xá thôn Trà Đông, với diện tích 0,9ha.	R1	RSX	SKX	0.900	Quy hoạch mới
4.2	Quy hoạch chuyển đổi đất đừa nước cánh Bắc thôn Trà Đông thành đất rừng sản xuất (RSX), với diện tích 4,22ha.	R2	RSX	SON	4.220	Quy hoạch mới
<b>V</b>	<b>ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC</b>					
	Quy hoạch Trang trại nông nghiệp sạch (sản phẩm OCOP) tại mã ông Đồ thôn Vĩnh Nam, với diện tích 1,6ha (loại đất NKH) quy hoạch đến giai đoạn 2025, giai đoạn 2030 chuyển thành đất hỗn hợp sinh thái Duy Vinh 1.	N1	LUC	1.600	1.600	
<b>V</b>	<b>ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG</b>	<b>C</b>			<b>4.360</b>	
5.1	Quy hoạch chuyển đổi đất sông (SON) thành đất bằng chưa sử dụng (BCS) thôn Đông Bình (giáp Trà Đông), với diện tích 2,63ha.	C1	BCS	SON	2.630	Quy hoạch mới
5.2	Quy hoạch chuyển đổi đất sông (SON) thành đất bằng chưa sử dụng (BCS) tại xóm Hà Bình thôn Hà Nam, với diện tích 0,18ha.	C2	BCS	SON	0.180	Quy hoạch mới
5.3	Quy hoạch chuyển đổi đất sông bãi bồi cánh Bắc thôn Trà Đông thành đất bằng chưa sử dụng (BCS), với diện tích 1,55ha.	C3	BCS	SON	1.550	Quy hoạch mới
<b>VI</b>	<b>ĐẤT Ở</b>	<b>DO</b>			<b>120.300</b>	
-	<b>Thôn Hà Nam</b>	<b>DO1</b>			<b>116.790</b>	
6.1	Quy hoạch khu dân cư phía Đông sân bóng xã (loại đất ONT) thôn Hà Nam, với diện tích 2,1ha	DO1.1	ONT		2.100	Kế thừa
6.2	Quy hoạch khu dân cư phía Bắc đường Hối ngang (loại đất ONT), thôn Hà Thuận với diện tích 1,33ha	DO1.2	ONT		1.330	Kế thừa
6.3	Quy hoạch khu dân cư gò bà Năm (loại đất ONT), thôn Trà Nam với diện tích 1,96ha	DO1.3	ONT		1.960	Kế thừa
6.4	Quy hoạch khu dân cư phía Tây khu tái định cư Gò Đùng thôn Hà Nam(loại đất ONT) với diện tích quy hoạch 1,04ha	DO1.4	ONT		1.040	Kế thừa

STT	Danh mục	Ký hiệu	Quy hoạch Loại đất	Hiện trạng loại đất	Diện tích (Ha)	Ghi chú
6.5	Quy hoạch khu dân cư sau nhà ông Nguyễn Hữu Tám, thôn Hà Nam (loại đất ONT), với diện tích 0,3ha.	DO1.5	ONT	BHK	0.300	Quy hoạch mới
6.6	Quy hoạch khu dân cư xen ghép thôn Hà Nam (loại đất ONT) (sau nhà ông Đỗ Lắm, bên nhà ông Trần Ngọc Phương Thi Lai, phía Nam sân bóng Trà Nam), với diện tích 0,36ha.	DO1.6	ONT		0.110	Quy hoạch mới
6.6.1	Đất ở Phía nam sân bóng Trà Nam	DO1.6.1	ONT	BHK	0.040	Quy hoạch mới
6.6.2	Đất ở sau nhà ông Đỗ Lắm	DO1.6.2	ONT	CLN	0.070	Quy hoạch mới
6.7	Quy hoạch khu dân cư biển Cự thôn Hà Nam (loại đất ONT), với diện tích 0,39ha.	DO1.7	ONT	BHK	0.390	Quy hoạch mới
6.8	Quy hoạch khu dân cư dọc bờ kè Hà Lăng thôn Hà Nam (loại đất ONT), với diện tích 0,37ha.	DO1.8	ONT	BHK	0.370	Quy hoạch mới
-	<b>Thôn Trà Đông</b>	<b>DO2</b>			<b>2.310</b>	
6.10	Quy hoạch khu dân cư phía Tây nhà văn hóa thôn Trà Đông (loại đất ONT) với diện tích 0,24ha	DO2.1	ONT		0.240	Kế thừa
6.11	Quy hoạch khu dân cư phía Đông sân bóng đá thôn Trà Đông (loại đất ONT), với diện tích 0,19ha	DO2.2	ONT		0.190	Kế thừa
6.12	Quy hoạch khu dân cư tại khu vực phía Bắc khu Biển Tảo thôn Trà Đông, với diện tích 0,34 ha.	DO2.3	ONT	BHK	0.340	Quy hoạch mới
6.13	Quy hoạch khu dân cư xen ghép Trà Đông (Phan Công Khoa) với diện tích 0,03ha	DO2.4	ONT	BHK	0.030	Quy hoạch mới
6.14	Quy hoạch khu dân cư tại sân vận động cũ với diện tích 0,7ha	DO2.5	ONT	DDT	0.700	Quy hoạch mới
6.15	Quy hoạch khu dân cư gần nhà ông Nguyễn Điện thôn Trà Đông (loại đất ONT), với diện tích 0,8ha.	DO2.6	ONT	-BHK: 0,72 ha -CLN:0,08 ha	0.800	Quy hoạch mới
6.16	Quy hoạch khu dân cư Bình Xá thôn Trà Đông (loại đất ONT), với diện tích 0,44ha.	DO2.7	ONT	BHK	0.440	Quy hoạch mới
-	<b>Thôn Đông Bình</b>	<b>DO3</b>			<b>0.850</b>	
6.17	Quy hoạch khu dân cư phía Nam nhà ông 5 Bí, thôn Đông Bình (loại đất ONT) với diện tích 0,12ha	DO3.1	ONT		0.120	Kế thừa
6.18	Quy hoạch khu dân cư xen ghép thôn Đông Bình (loại đất ONT) (vùng Đông Giang, sau Nguyễn Văn Bảy, sau miếu xóm Đông Tịnh I, sau bà Nguru), với diện tích 0,54ha.	DO3.2	ONT		0.540	Quy hoạch mới
6.17.1	Đất ở Vùng Đông Giang	DO3.2.1	ONT	-BCS: 0,14 ha -RSX: 0,08 ha -CLN:0,09 ha	0.310	Quy hoạch mới
6.17.2	Đất ở Sau miếu xóm Đông Tịnh I	DO3.2.2	ONT	-RSX: 0,12 ha-C	0.150	Quy hoạch mới
6.17.3	Đất ở sau bà Nguru	DO3.2.3	ONT	BCS	0.080	Quy hoạch mới
6.18	Quy hoạch khu dân cư phía trước nhà ông Võ Đức Phát thôn Đông Bình (loại đất ONT) với diện tích 0,31ha.	DO3.3	ONT	BHK	0.310	Quy hoạch mới
-	<b>Thôn Vĩnh Nam</b>	<b>DO4</b>			<b>0.280</b>	
6.19	Quy hoạch chuyển đổi loại đất nhà văn hóa Vĩnh Nam cũ sang loại đất ở (ONT) với diện tích giữ nguyên 0,04ha.	DO4.1	ONT	DVH	0.040	Quy hoạch mới
6.20	Quy hoạch đất ở xen ghép thôn Vĩnh Nam (loại đất ONT) (sau miếu xóm Nam Hòa, dọc đường đi Nam Hòa), với diện tích 0,24ha.	DO4.2	ONT		0.240	Quy hoạch mới
6.20.1	Đất ở sau miếu xóm Nam Hòa	DO4.2.1	ONT	BHK	0.050	Quy hoạch mới
6.20.2	Đất ở dọc đường đi Nam Hòa	DO4.2.2	ONT	-BCS: 0,12 ha-M	0.190	Quy hoạch mới
-	<b>Thôn Hà Mỹ</b>	<b>DO5</b>			<b>0.070</b>	
6.22	Quy hoạch Khu dân cư Cồn Vạn, thôn Hà Mỹ với diện tích 1,26ha	DO5.1	ONT		1.260	Kế thừa
6.23	Quy hoạch khu dân cư xen ghép thôn Hà Mỹ (loại đất ONT) (đuôi Xóm Bãi), với diện tích 0,07ha.	DO5.2	ONT	BCS	0.070	Quy hoạch mới
<b>VII</b>	<b>ĐẤT HỖN HỢP</b>	<b>HH</b>				
7.1	Quy hoạch điều chỉnh bổ sung Trung tâm xã	HH1			16.080	

STT	Danh mục	Ký hiệu	Quy hoạch Loại đất	Hiện trạng loại đất	Diện tích (Ha)	Ghi chú
7.2	Quy hoạch khu hỗn hợp sinh thái Duy Vinh 1 với diện tích 83,5ha	HH2		Đất LUC: 55,56ha.Đất BHK: 16,07ha.Đất BCS: 3,89ha.Đất NTD: 0,07ha.Đất DGT, DTL, MNC: 7,91ha.	83.500	Quy hoạch mới
7.3	Quy hoạch khu hỗn hợp sinh thái Duy Vinh 2 với diện tích 121,86ha	HH3			121.86	Quy hoạch mới
7.4	Quy hoạch khu phố chợ Bàn Thạch, thôn Vĩnh Nam, với diện tích 32,18ha	HH4	TMD		32.18	Kế thừa
<b>VIII</b>	<b>ĐẤT DU LỊCH</b>	<b>DL</b>			<b>83.037</b>	
8.1	Quy hoạch Khu thương mại dịch vụ, du lịch Rạch dừa thôn Hà Mỹ và thôn Hà Nam, với diện tích 17,4685ha	DL1	DDL	BHK:11,57 ha BCS: 0,76ha MNC: 3,25 NTS: 1,92	17.470	Kế thừa
8.2	Quy hoạch Khu du lịch Cồn Biên, thôn Đông Bình, với diện tích 15,22ha	DL2	DDL		15.220	Kế thừa
8.3	Quy hoạch khu du lịch Nông trại xanh Trà Nhiều, thôn Trà Đông và Hà Thuận, với diện tích quy hoạch 7,1ha	DL3	DDL		7.100	Kế thừa
8.4	Quy hoạch khu du lịch sinh thái làng cau Trà Đông, thôn Trà Đông với diện tích 9,56ha	DL4	DDL		9.560	Kế thừa
8.5	Quy hoạch khu du lịch sinh thái Trà Nhiều Xanh, thôn Trà Đông, với diện tích quy hoạch: 29,1370ha	DL5	DDL		29.137	Kế thừa
8.6	Quy hoạch du lịch xanh tại diện tích đất bãi bồi giữa Đông Bình và Trà Đông, với diện tích 2,63ha.	DL6	DDL	MNC	2.630	Quy hoạch mới
8.7	Quy hoạch khu du lịch dọc bờ sông xóm Hà Bình thôn Hà Nam, với diện tích 1,92ha.	DL7	DDL	-MNC:1,8 ha -BSC: 0,12 ha	1.920	Quy hoạch mới
<b>IX</b>	<b>ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ</b>	<b>TM</b>			<b>99.60</b>	
9.1	Quy hoạch chuyển đổi đất hiện có của trường mẫu giáo sang loại đất thương mại dịch vụ với diện tích giữ nguyên 0,2215ha.	TM1	TMD		0.222	Kế thừa
9.2	Quy hoạch khu Thương mại dịch vụ vùng Hà My Hạ, thôn Đông Bình với diện tích 30ha.	TM2	TMD	-NTS:17ha-BSC	30.00	Quy hoạch mới
9.3	Quy hoạch khu Thương mại dịch vụ kết hợp nuôi trồng thủy sản (thôn Đông Bình)	TM3	TMD		21.90	Quy hoạch mới
9.4	Quy hoạch Trung tâm khảo cổ học dưới nước tại thôn Trà Đông, với diện tích 1,39ha	TM4	TMD		1.390	Kế thừa
9.5	Quy hoạch Khu thương mại dịch vụ phía Bắc nghĩa trang liệt sĩ xã, với diện tích quy hoạch: 2,63ha	TM5	TMD		2.630	Kế thừa
9.6	Quy hoạch Khu thương mại dịch vụ Hà Đước, thôn Vĩnh Nam với diện tích 1,31ha	TM6	TMD		1.310	Kế thừa
9.7	Quy hoạch khu thương mại dịch vụ làng nghề du lịch Duy Vinh, thôn Trà Đông với diện tích 0,79ha	TM7	TMD		0.790	Kế thừa
9.8	Quy hoạch khu thương mại dịch vụ kết hợp Trang trại nuôi trồng thủy sản chất lượng cao dọc bờ sông thôn Đông Bình, với diện tích 33ha.	TM8	TMD	-NTS:31ha -RSX: 2 ha	33.000	Quy hoạch mới
9.9	Quy hoạch khu thương mại dịch vụ dọc đường giao thông phía Bắc thôn Đông Bình, với diện tích quy hoạch 2,65 ha.	TM9	TMD	-BCS:0,27 -RSX: 2,23 ha -CLN:0,15ha	2.650	Quy hoạch mới
9.10	Quy hoạch khu chài lưới và bến cá Bình Xá thôn Trà Đông, với diện tích 0,39ha.	TM10	TMD	BHK	0.390	Quy hoạch mới
9.11	Quy hoạch khu thương mại dịch vụ và khu thể thao tại khu vực phía Bắc nhà văn hóa Trà Đông (Rộc Nhiên) (chợ đêm, hàng lưu niệm, dịch vụ du lịch và sân bóng đá), với diện tích 0,75ha.	TM11	TMD	BHK	0.750	Quy hoạch mới
9.12	Quy hoạch khu thương mại dịch vụ tại khu vực phía Bắc khu tái định cư Gò Giữa (đất Biên Tào), với diện tích 1,93 ha.	TM12	TMD	-BHK:1,33 ha -CLN: 0,13 ha -NTS: 0,25 ha -BCS:0,22 ha	1.930	Quy hoạch mới
9.13	Quy hoạch khu thương mại dịch vụ tại phía Nam khu du lịch Nông trại xanh Trà Nhiều (bãi đậu đỗ xe phục vụ du lịch), với diện tích 0,7ha.	TM13	TMD	BHK	0.700	Quy hoạch mới